

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi
Dự án: Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014;

Căn cứ Luật Đấu thầu ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015 của Chính phủ về Quản lý dự án đầu tư xây dựng; Nghị định số 42/2017/NĐ-CP ngày 05/4/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 59/2015/NĐ-CP ngày 18/6/2015; Nghị định số 46/2015/NĐ-CP ngày 12/5/2015 của Chính phủ về Quản lý chất lượng và bảo trì công trình xây dựng; Nghị định số 68/2019/NĐ-CP ngày 14/8/2019 của Chính phủ về Quản lý chi phí đầu tư xây dựng;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP ngày 26/6/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Thông tư 09/2018/TT-BKHĐT ngày 28/12/2018 của Bộ kế hoạch và Đầu tư về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định 63/2018/NĐ-CP ngày 04/5/2018 của Chính phủ về đầu tư theo hình thức đối tác công tư;

Căn cứ Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh về việc Ban hành Quy định một số chính sách ưu đãi, hỗ trợ đầu tư xây dựng công trình cấp nước sạch nông thôn trên địa bàn tỉnh Bình Định;

Theo đề nghị của Sở Nông nghiệp và PTNT tỉnh tại Tờ trình số 203/TTr-SNN ngày 18/06/2020; ý kiến thẩm định của Sở Xây dựng tại Văn bản số 527/SXD-HTKTTĐ ngày 28/11/2019 và Báo cáo kết quả thẩm định nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Báo cáo số 297/BC-SKHĐT ngày 21/05/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo nghiên cứu khả thi Dự án Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài, với các nội dung chủ yếu như sau:

- 1. Tên dự án:** Cấp nước sinh hoạt xã Cát Tài.
- 2. Dự án nhóm:** C.
- 3. Loại và cấp công trình:** Hạ tầng kỹ thuật, cấp III.

4. Cấp quyết định đầu tư dự án: Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Định

5. Cơ quan được giao nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư: Sở Nông nghiệp và PTNT

6. Tổ chức tư vấn lập Báo cáo nghiên cứu khả thi: Viện Đào tạo và Khoa học ứng dụng miền Trung

7. Chủ nhiệm lập dự án: Thạc sĩ Đỗ Cảnh Hào.

8. Mục tiêu đầu tư xây dựng:

Cấp nước sạch đảm bảo lưu lượng, chất lượng theo Quy chuẩn của Bộ Y tế cho 16.469 người (tính đến năm 2040) của xã Cát Tài và 03 thôn Gia Lạc, Gia Thạnh, Trung Chánh, xã Cát Minh, huyện Phù Cát và các cơ quan nhà nước, các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, trạm y tế, trường học trong vùng dự án.

9. Nội dung và quy mô đầu tư xây dựng: Dự án bao gồm các hạng mục:

- Trạm bơm nước thô: Khoan 04 giếng khai thác nước ngầm $Q=30\text{m}^3/\text{h}/\text{giếng}$ (01 giếng đã khoan khai thác). Lắp đặt 05 bơm chìm $Q=30\text{m}^3/\text{h}$, $H=32\text{m}$; đường ống kỹ thuật; hệ thống điện điều khiển và chiếu sáng. Diện tích 05 trạm bơm giếng $B \times L=5 \times 6\text{m}$; diện tích nhà trạm $B \times L=3 \times 3\text{m}$. Diện tích đất khu vực bảo vệ nguồn nước mỗi giếng 1.600m^2 ($B \times L=40 \times 40\text{m}$).

- Tuyến ống nước thô: Ống nước thô kết cấu bằng ống nhựa uPVC D150 - D200, chiều dài 2.963m.

- Nhà máy xử lý: Công suất $2.000\text{ m}^3/\text{ngày.đêm}$. Diện tích 5.000 m^2 . Tại thôn Thái Thuận, xã Cát Tài. Gồm các hạng mục:

- + Tháp làm thoáng: Lắp đặt 02 tháp làm thoáng; kích thước mỗi tháp $D \times H=(1,0 \times 2,8)\text{m}$. Lắp đặt quạt thổi gió $Q=400\text{m}^3/\text{giờ}$.

- + Cụm xử lý lắng – lọc: Xây dựng cụm bể lắng, lọc bằng BTCT M300, đá 1x2 toàn khối có kích thước $B \times L=(7,65 \times 10,75)\text{m}$ (Trong đó gồm 04 modul bể lắng có kích thước mỗi modul: $B \times L \times H=3,7 \times 3,7 \times 5,5\text{m}$; 02 modul bể lọc, mỗi modul có kích thước $B \times L \times H=3,1 \times 3,7 \times 4\text{m}$) đặt trên nền đất tự nhiên; cung cấp và lắp đặt hệ thống thu bùn, cát lọc, 15m^2 đan lọc chế tạo sẵn bằng HDPE, hệ thống điều chỉnh tốc độ lọc, hệ thống ống rửa lọc, hệ thống ống vào và ra bể lọc, bể lắng...

- + Bể chứa nước sạch: Bể BTCT M300, đá 1x2 được đặt trên nền đất tự nhiên, kích thước $B \times L \times H=(10 \times 13 \times 4)\text{m}$.

- + Trạm bơm nước sạch: Trạm bơm có kết cấu móng, cột, đà, sàn bằng BTCT, tường xây gạch; kích thước: $B \times L=5 \times 15\text{m}$. Lắp đặt 03 bộ máy bơm nước sạch có $Q=60\text{m}^3/\text{h}$, $H=40\text{m}$; 01 bộ máy bơm nước rửa lọc $Q=145\text{ m}^3/\text{h}$, $H=12\text{m}$; 01 bộ máy bơm gió rửa lọc $Q=386\text{m}^3/\text{h}$, $H=5\text{m}$; hệ thống ống và phụ tùng trong trạm bơm; hệ thống điện điều khiển trong trạm bơm.

- + Nhà hóa chất: Có kết cấu móng, cột, đà, sàn bằng BTCT, tường xây gạch; kích thước $B \times L=(5 \times 10)\text{m}$. Lắp đặt 05 bình Clo 68kg, máy châm Clo, bơm tiếp áp $Q=2\text{m}^3/\text{h}$, $H=45\text{m}$; hệ thống pha chế, tiêu thụ hóa chất nâng pH và keo tụ

dự phòng cho tương lai.

+ Nhà nhà kho: Có kết cấu móng, cột, đà, sàn bằng BTCT, tường xây gạch; kích thước BxL=5x10m.

+ Hồ lắng bùn: 02 hố lắng bùn bằng đá hộc; kích thước BxLxH=(18x10x2,5)m.

+ Nhà hành chính: Có kết cấu móng, cột, đà, sàn bằng BTCT, tường xây gạch; kích thước BxL=(4x15)m.

+ Nhà ở nhân viên: Có kết cấu móng, cột, đà, sàn bằng BTCT, tường xây gạch; kích thước BxL=(4x8)m.

+ Hệ thống điện động lực, điều khiển và chiếu sáng: Xây lắp đường dây 22kV, 0,4 kV và TBA 160kVA, 75kVA cho nhà máy xử và khu giếng; lắp đặt toàn bộ hệ thống điện động lực, điều khiển và chiếu sáng trong phạm vi nhà máy nước và các trạm bơm giếng.

+ Các hạng mục phụ trợ khác: San nền; xây dựng tường rào, cổng ngõ; nhà để xe; nhà kho xưởng; đường nội bộ cây xanh,...

- Tuyến ống nước sạch: Tuyến ống nước sạch có tổng chiều dài 46.641m.

+ Ống D200: Ống uPVC 1.563 m + Thép mạ kẽm 22m;

+ Ống D150: Ống uPVC 1.959 m + Thép mạ kẽm 28m;

+ Ống D100: Ống uPVC 8.609 m+ Thép mạ kẽm 199m;

+ Ống D80: Ống uPVC 6.784 m + Thép mạ kẽm 135m;

+ Ống D63: Ống HDPE 27.206m + Thép mạ kẽm 136m;

+ Đồng hồ lưu lượng D15 và ống, phụ tùng: 2.907 bộ.

10. Địa điểm xây dựng: Xã Cát Tài, huyện Phù Cát, tỉnh Bình Định.

11. Diện tích sử dụng đất: 123.800m². Trong đó:

- Diện tích chiếm đất lâu dài: 13.000m² (Khu xử lý 5.000m²; 05 giếng khai thác nước thô 8.000m²);

- Diện tích chiếm đất tạm thời: 110.800 m².

12. Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng: Phương án bồi thường, giải phóng mặt bằng của dự án được lập và phê duyệt theo các quy định hiện hành của Nhà nước.

13. Tổng mức đầu tư dự án: 40.644.041.000 đồng.

Trong đó:

- Chi phí xây lắp:	24.424.916.000 đồng;
- Chi phí thiết bị:	4.147.223.000 đồng;
- Chi phí quản lý dự án:	569.884.000 đồng;
- Chi phí tư vấn:	1.212.507.000 đồng;

- Chi phí khác: 1.578.895.000 đồng;
- Chi đền bù GPMB: 1.585.420.000 đồng;
- Dự phòng phí: 3.357.654.000 đồng;
- Chi phí lắp đặt đồng hồ gia đình: 3.767.542.000 đồng.

14. Cơ cấu nguồn vốn đầu tư:

- Vốn ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý, vốn ngân sách huyện Phù Cát hỗ trợ theo Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 20/7/2018 của UBND tỉnh;
- Phần chi phí còn lại do nhà đầu tư và vốn đóng góp của người dân hưởng lợi chi trả.

15. Về mức vốn và hình thức hỗ trợ: Vốn ngân sách nhà nước hỗ trợ 60% chi phí xây dựng và thiết bị: 17.143.280.000 đồng. Trong đó:

- Ngân sách nhà nước do tỉnh quản lý hỗ trợ: 8.571.640.000 đồng;
- Ngân sách huyện Phù Cát hỗ trợ: 8.571.640.000 đồng.

16. Hình thức đầu tư của dự án: Đầu tư theo hình thức đối tác công tư (PPP).

17. Hình thức quản lý dự án: Nhà đầu tư trực tiếp quản lý dự án.

18. Loại hợp đồng: B-O-O (Xây dựng – Sở hữu – Kinh Doanh).

19. Thời gian thực hiện: Năm 2020 - 2022.

20. Phương thức thực hiện dự án: Theo Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 2. Giao Sở Kế hoạch và Đầu tư chủ trì, phối hợp với các sở Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng niêm yết công khai hoặc công bố trên các phương tiện thông tin đại chúng nhằm kêu gọi các tổ chức, cá nhân tham gia đầu tư. Việc lựa chọn nhà đầu tư thực hiện theo quy định pháp luật hiện hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Xây dựng; Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh; Chủ tịch UBND huyện Phù Cát và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký. /

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- CT, PCT UBND tỉnh Trần Châu;
- PVP VX;
- Lưu: VT, K13 (17b).

B

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Trần Châu
Trần Châu